

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 25-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thuý Ngọc

2. Ông Phan Phục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2020/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2020/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần N

Địa chỉ: đường số A, B, C khu công nghiệp T, xã Đ, huyện E, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Đức L- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 (Có mặt)
(Giấy ủy quyền ngày 24/6/2020)

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: đường F, Phường L, quận N, Tp. HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S - Giám đốc
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần N (viết tắt là Công ty N) do bà

Nguyễn Thị V là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 30/01/2018 Công ty N ký hợp đồng với Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) thực hiện toàn bộ hạng mục cung cấp lắp đặt hệ thống chiếu sáng và điện động lực cho khối văn phòng và nhà ăn của Công ty N tại đường số A, B, C khu công nghiệp T, xã Đ, huyện E, tỉnh Long An. Tổng giá trị hợp đồng là 2.310.000.000 đồng.

Ngay sau ký hợp đồng ngày 08/02/2018 Công ty N đã tạm ứng số tiền 577.500.000 đồng cho Công ty T. Cuối tháng 4/2018 khi Công ty T cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt được khoảng 32% giá trị hạng mục thì ngày 07/5/2018 Công ty N đã thanh toán thêm số tiền 577.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì Công ty T âm thầm thu dọn máy móc, thiết bị và nhân công không tiếp tục thực hiện từ ngày 11/5/2018, Công ty N đã nhiều lần liên hệ qua email, điện thoại nhưng không nhận được phản hồi từ Công ty T. Thực tế nghiệm thu công trình thì tổng khối lượng công việc mà Công ty T đã thực hiện chỉ có giá trị 745.889.428 đồng còn chênh lệch với số tiền Công ty N đã thanh toán là 409.110.572 đồng. Công ty N yêu cầu Công ty T hoàn trả 409.110.572 đồng đã tạm ứng và phạt 8 % giá trị hợp đồng bị vi phạm ($1.564.110.572 \times 8\% = 125.128.846$ đồng). Yêu cầu thanh toán tổng cộng 534.239.418 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Nguyễn Thị V là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu Bị đơn thanh toán tổng cộng 534.239.418 đồng bao gồm tiền đã tạm ứng 409.110.572 đồng và phạt vi phạm 8 % giá trị hợp đồng bị vi phạm là 125.128.846 đồng, yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Công ty Cổ phần N có đơn khởi kiện Công ty TNHH T yêu cầu trả lại tiền đã thanh toán và tiền phạt do vi phạm hợp đồng cung cấp thiết bị và lắp đặt nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Công ty Cổ phần N có đơn khởi kiện Công ty TNHH T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình*: trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa*: Nguyên đơn Công ty Cổ phần N do bà Nguyễn Thị V là người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty TNHH T đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền chênh lệch đã tạm ứng 409.110.572 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy*:

Căn cứ Hợp đồng số 112A/HĐKT RĐ-IED ngày 31/01/2018 được ký kết giữa Công ty Cổ phần N và Công ty T thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt.

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi ngày 08/2/2018 số 080218.XK39.0070 (nội dung tạm ứng 25% hợp đồng 112A/HĐKT) và Ủy nhiệm chi số 070518.XK39.0100 ngày 07/5/2018 (nội dung tạm ứng đợt 2 là 25% hợp đồng 112A/HĐKT) thể hiện Nguyên đơn đã chuyển khoản tạm ứng cho Bị đơn tổng số tiền là: $577.500.000 \times 2 = 1.115.000.000$ đồng.

Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu sử dụng trong công trình và Bảng giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng thể hiện giá trị hàng hoá và khối lượng công việc mà Công ty T thực hiện là 745.889.428 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty T để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía Công ty T đều vắng mặt, địa chỉ trụ sở không thể hiện Công ty còn thực tế làm việc, phía bị đơn cũng không cung cấp thêm chứng cứ thể hiện đã thực hiện đầy đủ công việc theo thỏa thuận hai bên. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện theo hợp đồng nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền chênh lệch đã tạm ứng, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời

trình bày của Nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 125.128.846 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng số 112A/HĐKT RD-IED ngày 31/01/2018 hai bên thoả thuận việc phạt vi phạm không quá 12% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm là 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm là có lợi cho phía Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền phạt do vi phạm là 125.128.846 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 300, 301 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn trả lại cho Nguyên đơn số tiền đã tạm ứng 409.110.572 đồng và tiền phạt do vi phạm là 125.128.846 đồng, tổng cộng là 534.239.418 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 534.239.418 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 300, 301 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần N.

Buộc Bị đơn Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần N số tiền 534.239.418 (Năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm mười tám) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 25.369.576 (Hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần N số tiền 12.684.788 (Mười hai triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038452 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm